

Số: /KH-UBND

Chương Mỹ, ngày

tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH

Khắc phục tồn tại, hạn chế về công tác Cải cách hành chính năm 2024 và Cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 của huyện Chương Mỹ

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 27/02/2025 của UBND Thành phố về phê duyệt và công bố chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của các Sở và cơ quan tương đương Sở; UBND các quận, huyện, thị xã, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội; Công văn số 2033/VP-KSTTHC ngày 24/02/2025 của Văn phòng UBND Thành phố về kết quả đo lường chỉ số hải lòng của người dân, tổ chức và kết quả điều tra xã hội học xác định chỉ số cải cách hành chính (CCHC) của các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập và cơ quan ngành dọc trên địa bàn Thành phố.

Kết quả điểm Chỉ số CCHC của huyện năm 2024 đạt 93,05 điểm (tăng 1,4 điểm so với năm 2023), xếp thứ 15/30 quận, huyện tăng 14 bậc so với năm 2023 (năm 2023 đạt 91,65 điểm). Trong đó, điểm thẩm định đạt 63,93/70 điểm, tăng 0,04 điểm so với năm 2023 (năm 2023 đạt 63,89 điểm). Điểm qua ĐTXXH đạt 29,12/30 điểm, đứng thứ 5/30 quận huyện, tăng 1,36 điểm so với năm 2023 (năm 2023 đạt 27,76 điểm).

Để khắc phục tồn tại, hạn chế về công tác cải cách hành chính năm 2024, nhằm cải thiện nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số SIPAS năm 2025, UBND huyện xây dựng kế hoạch khắc phục như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được nêu tại Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND huyện về công tác Cải cách hành chính năm 2025.

- Tiếp tục duy trì các chỉ số, chỉ số thành phần đạt kết quả cao; cải thiện, nâng cao các chỉ số, chỉ số thành phần chưa có sự cải thiện, đạt điểm thấp (chưa đạt điểm tối đa).

- Phấn đấu Chỉ số PAR INDEX của huyện năm 2025 nằm trong nhóm các quận, huyện khá của Thành phố (đứng thứ 15/30 quận, huyện). Chỉ số SIPAS tiếp tục có sự cải thiện, đạt trên 95% mức độ hải lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện, nhất là các cơ quan chủ trì tham mưu đôn đốc, tổng hợp các nội dung, lĩnh vực trong Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS

đánh giá đúng kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

- Triển khai hệ thống các giải pháp, khắc phục ngay những tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa (bị trừ điểm), nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS năm 2025 của huyện.

II. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

1. Nội dung

- Các cơ quan chủ trì tham mưu nội dung về công tác cải cách hành chính phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các xã thị trấn rà soát tiêu chí chưa đạt điểm tối đa, chỉ rõ nguyên nhân; đồng thời xây dựng kế hoạch khắc phục nêu rõ nhiệm vụ, giải pháp, thời gian, sản phẩm hoàn thành.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra các nội dung về công tác cải cách hành chính; thực hiện giao ban định kỳ hành tháng.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, tinh thần trách nhiệm của Thủ trưởng, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn trong việc thực thi công vụ phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tích cực tìm kiếm mô hình sáng kiến về CCHC, nhất là mô hình sáng kiến về chính quyền điện tử, chính quyền số nâng cao hiệu quả công việc

- Phối hợp với các Sở, ngành Thành phố để tranh thủ sự hướng dẫn, giúp đỡ để tìm giải pháp cải thiện nâng cao chỉ số CCHC. (Tổ chức Hội nghị giao ban chuyên đề, Tọa đàm công tác CCHC, chuyển đổi số định kỳ 6 tháng, năm với Sở Nội vụ, Viện NCPTKTXH Hà Nội, các Sở, ban, ngành Thành phố).

2. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu chung

Thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được nêu tại Kế hoạch số 68/KH-UBND ngày 24/01/2025 của UBND huyện. Cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2025 của huyện Chương Mỹ.

2.1. Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu cải thiện, nâng cao thứ hạng, chỉ số CCHC của huyện năm 2025, 2025 tăng lên từ 1-2 bậc, nằm trong топ giữa khối các quận, huyện.

(1) Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Phấn đấu nâng cao chất lượng, nâng hạng Chỉ số CCHC - PARINDEX của huyện trong số các quận, huyện đứng đầu Thành phố. Phấn đấu chỉ số SIPAS của huyện đạt tối thiểu 90%.

100% các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức về TTHC, quy định hành chính được các cơ quan, đơn vị thuộc huyện tiếp nhận, xử lý và thông báo kết quả giải quyết kịp thời theo quy định, cập nhật, công khai trên ứng dụng iHanoi, trên Chuyên mục CCHC, Cổng thông tin điện tử huyện.

100% các cuộc thanh tra, kiểm tra khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, hoặc có dấu hiệu tham nhũng phải được kiến nghị chuyển đến cơ quan

điều tra để xử lý theo quy định pháp luật; 90% các quyết định, kết luận có hiệu lực pháp luật phải được thực hiện xong theo quy định.

(2) Cải cách thể chế

100% các văn bản hướng dẫn, thi hành, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước phải được rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế phù hợp, kịp thời theo quy định của Đảng, pháp luật hiện hành.

Phần đầu 100% các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

(3) Cải cách TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Phần đầu 100% số hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn, trước hạn. Riêng lĩnh vực tài nguyên môi trường và kế hoạch đầu tư đạt tối thiểu 99% số hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn.

Phần đầu 100% kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực theo quy định tại Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ được số hóa; đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Phần đầu 100% tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến.

(4) Cải cách tổ chức bộ máy

Tiếp tục giảm tối thiểu 20% đầu mỗi tổ chức bên trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2015.

Hoàn thành chỉ tiêu tinh giản biên chế 5% cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách so với năm 2021.

Hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 và sắp xếp tổ chức bộ máy các phòng, đơn vị thuộc UBND huyện.

(5) Cải cách chế độ công vụ

100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về công tác CCHC, tập trung bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng, giao tiếp trên không gian mạng, qua kênh phản ánh, kiến nghị trực tuyến, điện thoại, email; 30% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

100% cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá chất lượng hiệu quả công việc.

100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/09/2019 của Chính phủ được thực hiện nghiêm túc theo quy định.

100% cán bộ, công chức, viên chức được rà soát, bố trí theo vị trí việc làm.

(6) Cải cách tài chính công

Phần đầu năm 2025, tỷ trọng chi thường xuyên ở mức khoảng 50% tổng chi ngân sách; hàng năm 100% vốn đầu tư được phân bổ kịp thời, tuân thủ đúng nguyên tắc, quy định.

Phần đầu năm 2025 hoàn thành Kế hoạch số 225/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND huyện về triển khai thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ tài chính năm 2021 và giai đoạn 2022-2025.

100% cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chế độ chính sách chi thu nhập tăng thêm theo Luật Thủ đô.

(7) Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

Phần đầu 100% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị công việc tổng thể.

100% hồ sơ công việc tại UBND huyện, UBND các xã, thị trấn được xử lý trên môi trường mạng.

Trên 60% các cuộc họp được cắt giảm thời gian họp, giảm tối đa việc sử dụng tài liệu giấy thông qua Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc đối với cuộc họp tại UBND huyện.

100% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc huyện được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của Thành phố phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

Phần đầu 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

Phần đầu tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ tại các cơ quan nhà nước được tạo lập dưới dạng điện tử theo quy định.

Phần đầu 100% hệ thống cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử tại các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử Thành phố được tích hợp vào Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ điện tử tại Lưu trữ lịch sử Thành phố.

Phần đầu tối thiểu 90% lưu trữ cơ quan thực hiện quy trình khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ trong môi trường mạng (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác).

3. Nhiệm vụ, giải pháp

Tập trung khắc phục 08 tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa theo điểm thành phố thẩm định năm 2024. *(Theo Phụ lục 1 đính kèm).*

Tổ chức thực hiện hoàn thành 100% các nhiệm vụ theo Kế hoạch CCHC năm 2025 của Thành phố, huyện và 106 tiêu chí chỉ số CCHC theo yêu cầu của Thành phố năm 2025. *(Theo Phụ lục 2 đính kèm).*

III. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí bảo đảm cho Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm về công tác CCHC, Chuyển đổi số, Đề án 06 theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

- Là đầu mối theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Báo cáo kịp thời UBND huyện và xác định trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị không triển khai hoặc triển khai chậm các nội dung, nhiệm vụ tại Kế hoạch.

2. Cơ quan chủ trì tham mưu các nội dung trong Chỉ số CCHC của huyện: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Thanh tra huyện các phòng: Nội vụ, Tài chính- Kế hoạch, Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Tư pháp

- Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng Kế hoạch cải thiện, nâng cao các nội dung, tiêu chí được giao chủ trì theo dõi *(hoàn thành trong tháng 03/2025).*

- Định kỳ báo cáo kết quả về UBND huyện tại các hội nghị giao ban UBND huyện hàng tháng, (lồng ghép vào Báo cáo CCHC chuyên đề 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm 2025 qua phòng Nội vụ để tổng hợp).

3. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn

- Căn cứ Kế hoạch khắc phục và các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện các Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS theo nội dung và mục tiêu đã được xác định.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm báo cáo việc triển khai thực hiện các nội dung tại Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền lồng ghép trong Báo cáo giao ban UBND huyện và báo cáo CCHC định kỳ báo cáo UBND huyện (qua phòng Nội vụ tổng hợp).

- Phối hợp chặt chẽ với phòng Nội vụ trong triển khai công tác điều tra xã hội học để đánh giá, xác định Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS năm 2025 của huyện.

Trên đây là Kế hoạch khắc phục tồn tại hạn chế về công tác CCHC năm 2024 nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số PAR INDEX, Chỉ số SIPAS năm 2025 của huyện Chương Mỹ. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND Thành phố;
- Sở Nội vụ HN;
- Viện NCPT KTXH Hà Nội;
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT. UBND huyện;
- BCĐ CCHC, CDS, Đề án 06 huyện;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện;
- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Đức

PHỤ LỤC 1
NHIỆM VỤ CỤ THỂ CẢI THIỆN NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC, SIPAS NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /03/2025 của UBND huyện Chương Mỹ)

TT	Tiêu chí CCHC chưa đạt điểm tối đa	Nhiệm vụ, Giải pháp	Lãnh đạo UBND huyện chỉ đạo	Đơn vị chủ trì, đơn đốc	Đơn vị thực hiện/ phối hợp thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Sản phẩm
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC						
1	Ban hành các Kế hoạch về CCHC (Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR, PAPI, SIPAS; Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC...)	Kế hoạch kiểm tra	Đ/c Nguyễn Anh Đức, Chủ tịch UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Tháng 3/2025	Kế hoạch kiểm tra
2	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	Tích cực tìm kiếm mô hình sáng kiến về CCHC, nhất là mô hình sáng kiến về chính quyền điện tử, chính quyền số nâng cao chất lượng hiệu quả công việc	Đ/c Nguyễn Anh Đức, Chủ tịch UBND huyện	Phòng Nội vụ	Phòng VH, KH&TT; Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Tháng 7/2025	Kế hoạch cuộc thi tìm kiếm sáng kiến; Báo cáo kết quả thực hiện;
3	Thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao (Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác)	Xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa chủ tịch UBND huyện với thanh niên năm 2025	Đ/c Nguyễn Anh Đức, Chủ tịch UBND huyện	Phòng Nội vụ	Huyện đoàn; Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Tháng 10/2025	Kế hoạch, Hội nghị

TT	Tiêu chí CCHC chưa đạt điểm tối đa	Nhiệm vụ, Giải pháp	Lãnh đạo UBND huyện chỉ đạo	Đơn vị chủ trì, đơn đốc	Đơn vị thực hiện/ phối hợp thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Sản phẩm
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ						
4	Kiểm tra việc thực hiện VBQPPL ở cấp huyện	Xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra việc thực hiện VBQPPL ở cấp huyện	Đ/c Nguyễn Anh Đức, Chủ tịch UBND huyện	Phòng Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Theo Kế hoạch của Thành phố năm 2025	Kế hoạch kiểm tra; Biên bản kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra;
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY						
5	Thực hiện quy định về Quy trình nội bộ giải quyết công việc ngoài TTHC của cơ quan, đơn vị	Thực hiện đầy đủ quy định về Quy trình nội bộ giải quyết công việc ngoài TTHC của cơ quan, đơn vị	Đ/c Bùi Mạnh Thắng, Phó Chủ tịch UBND huyện	Văn phòng HĐND và UBND	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Theo Kế hoạch của Thành phố năm 2025	Quyết định thông qua phương án đơn giản hóa; Báo cáo kết quả
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ						
6	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	Xây dựng Kế hoạch cử đi đào tạo và thực hiện sắp xếp, tinh giản CBCC xã chưa đạt chuẩn.	Đ/c Nguyễn Anh Đức, Chủ tịch UBND huyện	Phòng Nội vụ	UBND các xã, thị trấn	Tháng 8/2025	Kế hoạch cử đi đào tạo và thực hiện sắp xếp, tinh giản. Báo cáo kết quả thực hiện.
7	Triển khai và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn	Đôn đốc những cán bộ, công chức, viên chức chưa thực hiện việc cập nhật, bổ sung đầy đủ các trường thông tin trên phần mềm	Đ/c Bùi Mạnh Thắng, Phó Chủ tịch UBND huyện	Phòng Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn	Tháng 4/2025	Văn bản đôn đốc; báo cáo kết quả

TT	Tiêu chí CCHC chưa đạt điểm tối đa	Nhiệm vụ, Giải pháp	Lãnh đạo UBND huyện chỉ đạo	Đơn vị chủ trì, đơn đốc	Đơn vị thực hiện/ phối hợp thực hiện	Tiến độ hoàn thành	Sản phẩm
IX	ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC						
8	Điểm thường trong triển khai công tác CCHC, Hiệu quả triển khai các nhiệm vụ cải thiện các chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI.	Phối hợp chặt chẽ với các Sở, ngành, đăng ký thực hiện triển khai các nhiệm vụ mới, tham gia làm điểm các nội dung CCHC, CDS, Đề án 06 của Thành phố trên địa bàn huyện	Đ/c Nguyễn Anh Đức, Chủ tịch UBND huyện	Các cơ quan đơn vị được giao nhiệm vụ	Các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn	Tháng 11/2025	Văn bản/ Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả thực hiện

PHỤ LỤC 2
Các nhiệm vụ cụ thể thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /03/2025 của UBND huyện Chương Mỹ)

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	Tổng	65					
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC	16,00					
1	Ban hành và triển khai Kế hoạch CCHC	4,50					
1.1	Ban hành các Kế hoạch về CCHC (Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR, PAPI, SIPAS; Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC...)	1,50	1. Kế hoạch CCHC năm: 0,5đ - Ban hành đúng, đủ, kịp thời: 0,5đ. - Ban hành đúng, đủ nhưng không kịp thời: 0,375đ. - Ban hành không đầy đủ, không kịp thời: 0,25đ - Không ban hành: 0đ 2. Kế hoạch khắc phục PAR-Index và Sipas: 0,25đ - Có ban hành: 0,25đ. - Không ban hành: 0đ	- Kế hoạch CCHC: có bố trí kinh phí thực hiện; các biểu phụ lục xác định chi tiết nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm. - Các Kế hoạch CCHC năm 2025; KH khắc phục PAR-Index và Sipas; KH kiểm tra CCHC 2025; KH thông tin, tuyên truyền CCHC 2025; KH xác định chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Phòng Nội vụ, phòng VH&TT	Các cơ quan, đơn vị

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			3. Kế hoạch Kiểm tra CCHC: Tối đa: 0,25đ - Ban hành đầy đủ, kịp thời: 0,25đ. - Ban hành không kịp thời: 0,125đ. - Không ban hành: 0đ 4. Kế hoạch tuyên truyền CCHC: 0,25đ - Có ban hành KH riêng hoặc có tích hợp nội dung trong KH CCHC năm: 0,25đ. - Không có KH hoặc không tích hợp nội dung trong KH CCHC năm: 0đ 5. Kế hoạch xác định chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc: 0,25đ - Có ban hành đúng, đủ, kịp thời: 0.25đ	(Văn bản ký số điện tử, chứng minh thời gian ký và gửi)			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Không ban hành hoặc ban hành không đúng, đủ, kịp thời: 0đ.				
1.2	Chất lượng Kế hoạch (đúng, đủ, phù hợp với chỉ tiêu của Thành phố và Trung ương)	0,50	- Tất cả kế hoạch có chất lượng đạt yêu cầu: điểm tối đa - Có từ 01 Kế hoạch có chất lượng không đạt yêu cầu: 0,25đ. - Từ 02 Kế hoạch trở lên có chất lượng không đạt yêu cầu: 0đ	Kế hoạch CCHC năm; Kế hoạch khắc phục PAR-Index và Sipas; Kế hoạch kiểm tra CCHC; Kế hoạch tuyên truyền CCHC, Kế hoạch xác định Chỉ số CCHC nội bộ...	Trong trường hợp Kế hoạch (05 Kế hoạch) không được ban hành hoặc tích hợp nội dung, tiêu chí này đạt 0 điểm.	Phòng Nội vụ, phòng VHKT&TT	Các cơ quan, đơn vị
1.3	Mức độ hoàn thành kế hoạch	2,50	1. Kế hoạch CCHC năm: 1đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0đ 2. Kế hoạch PAR-Index và Sipas: 0,5đ	- Báo cáo hoặc các tài liệu kiểm chứng khác (hình ảnh, công văn, thông báo, quyết định...). - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).	1. Căn cứ Kế hoạch CCHC năm 2025 của Thành phố 2. Căn cứ Kế hoạch của UBND thành phố, đơn vị ban hành Kế hoạch triển khai cải thiện PAR-Index và SIPAS của Thành phố. 3. xây dựng, ban hành Kế hoạch/văn bản đề xuất giải pháp cải thiện,	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0đ. 3. Kế hoạch/văn bản khắc phục cải thiện Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng của đơn vị: 0,5đ. - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ. 4. Kế hoạch xác định chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc: 0.5đ - Hoàn thành từ 85% - 100%: Tính điểm theo		khắc phục Chỉ số CCHC của đơn vị. 4. Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND Thành phố, đơn vị xây dựng Kế hoạch triển khai Chỉ số CCHC áp dụng đối với các phòng chuyên môn và UBND cấp xã trực thuộc. Thống kê số nhiệm vụ trong Kế hoạch và số nhiệm vụ đã hoàn thành để tính tỷ lệ %.		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			công thức: (Tổng tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0đ				
2	Công tác báo cáo nhiệm vụ CCHC 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, năm	2,00	- Tất cả báo cáo (báo cáo định kỳ: quý, 6 tháng, 9 tháng, năm) đều được gửi đầy đủ, đúng hạn, đảm bảo nội dung theo quy định: 2đ. - Có 01 báo cáo gửi trễ hạn hoặc có 01 báo cáo không đảm bảo nội dung theo quy định: 01đ - Có 02 báo cáo gửi trễ hạn hoặc cả 02 báo cáo không đảm bảo nội dung theo quy định: 0đ.	- Báo cáo CCHC Quý I, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo CCHC năm - Báo cáo kết quả thông tin tuyên truyền CCHC (gắn với Báo cáo CCHC định kỳ)	Báo cáo CCHC - Thời hạn UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ) nhận báo cáo chậm nhất ngày 15 của tháng cuối kỳ báo cáo. - Báo cáo có đủ nội dung, đúng mẫu theo quy định.	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
3	Công tác kiểm tra CCHC	2,50					
3.1	Tỷ lệ các cơ quan chuyên môn và đơn vị hành chính cấp xã được kiểm tra	0,50	- Hoàn thành từ 85% - 100% so với Kế hoạch: Tính điểm theo công thức:	Báo cáo, biên bản, văn bản giải trình	Xác định số cơ quan, đơn vị được kiểm tra trên thực tế so với số cơ	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	trong năm		(Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0đ		quan, đơn vị kiểm tra trong Kế hoạch để tính tỷ lệ %.		các xã, TT
3.2	Hoàn thành việc khắc phục các tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra	2,00	Điểm đánh giá được tính theo công thức: (b/a) *điểm tối đa + (c/a)*50%*điểm tối đa Trong đó: a là tổng số vấn đề cần phải xử lý. b là số vấn đề đã hoàn thành việc xử lý. c là số vấn đề đã xử lý nhưng chưa hoàn thành (có dự thảo). Trường hợp a = 0, đạt điểm tối đa	- Các biên bản, báo cáo, văn bản giải trình chứng minh việc có triển khai đi kiểm tra. - Văn bản chỉ đạo khắc phục sau kiểm tra (kiểm tra của đơn vị hoặc theo yêu cầu của Thành phố nếu có) - Báo cáo khắc phục các tồn tại sau kiểm tra (báo cáo khắc phục sau kiểm tra của đơn vị hoặc báo cáo khắc phục sau kiểm tra của Thành phố yêu cầu nếu có)	Qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện qua kiểm tra cần phải xử lý, giải quyết hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý, giải quyết và tính tỷ lệ %.	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
4	Công tác tuyên truyền CCHC	1,50					
4.1	Mức độ hoàn thành kế	0,50	- Hoàn thành từ 85% -	- Báo cáo/ hình ảnh, tờ	Trên cơ sở kết quả, sản		Các cơ

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	hoạch tuyên truyền CCHC		100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0đ	roi.... - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).	phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) để tính tỷ lệ %	VHKH&TT	quan, đơn vị. UBND các xã, TT
4.2	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC	1,00	- Đủ 05 hình thức tuyên truyền đạt điểm tối đa. - Thiếu 01 hình thức, trừ 0,2 điểm.	Báo cáo, hình ảnh, phim,... các tài liệu khác có liên quan... (Hình ảnh công khai việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến của huyện và xã tại trụ sở UBND cấp huyện, cấp xã, nhà văn hóa, khu dân cư, Nhà cao tầng.. tại thôn/ tổ dân phố....; Hình ảnh chụp công khai (tại nơi niêm yết) việc cung cấp qua dịch vụ bưu chính công ích	- Thực hiện tuyên truyền đầy đủ nội dung theo Kế hoạch thông qua các kênh truyền thông: có tổ chức mở lớp bồi dưỡng về công tác CCHC và có các hình thức tuyên truyền Trên cổng (trang) thông tin điện tử của đơn vị, báo, đài phát thanh. - Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác như: facebook, zalo, qua tin nhắn điện thoại, tổ chức cuộc thi, tọa đàm,	VHKH&TT	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
				của huyện và xã tại trụ sở UBND cấp huyện, cấp xã, nhà văn hóa, khu dân cư, Nhà cao tầng.. tại thôn/ tổ dân phố...)	sân khấu hóa....		
5	Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC	1,50	- Có từ 03 sáng kiến hoặc 01 sáng kiến được nhân rộng cấp Thành phố: điểm tối đa - Có 02 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị trong năm: 01đ - Có 01 sáng kiến hoặc giải pháp mới trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị trong năm: 0,5 - Không có sáng kiến hoặc giải pháp mới: 0đ	Tên văn bản minh chứng cho sáng kiến, hình ảnh, Video...	- Đăng ký sáng kiến và đã triển khai, có kết quả (định lượng bằng số liệu cụ thể). - Sáng kiến đã gửi về cuộc thi Thành phố (tiếp tục bổ sung để hoàn thiện) và các sáng kiến khác. Sáng kiến là những giải pháp, biện pháp, mô hình, cách làm mới được cấp có thẩm quyền công nhận hoặc cấp huyện cho phép thí điểm; trường hợp sáng kiến, giải pháp chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng mang lại hiệu quả rõ rệt và không trái với các quy	Phòng Nội vụ, phòng VH&TT	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					định pháp luật hiện hành thì vẫn được xem xét, ghi nhận; lần đầu tiên được áp dụng hoặc áp dụng thử để nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ CCHC trong phạm vi quận, huyện; đã hoặc có khả năng mang lại lợi ích thiết thực, nâng cao hiệu quả triển khai nhiệm vụ CCHC của quận, huyện hoặc Thành phố, được đơn vị tổng hợp, đánh giá trong báo cáo.		
6	Đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp về thủ tục hành chính; công tác tiếp công dân.	1	1. Đối thoại: 0,5đ. Thực hiện đúng, đủ 02 cuộc đối thoại theo quy định: 0,5đ. - Tổ chức 01 cuộc đối thoại: 0,25đ. - Không thực hiện: 0đ. 2. Tiếp công dân: 0,5đ.	1. Đối thoại: - Biên bản, báo cáo, hình ảnh, video, văn bản chỉ đạo..... - Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại qua đối thoại/hướng dẫn. - Báo cáo kết quả khắc phục các tồn tại qua	1. Đối thoại: UBND Huyện, UBND cấp xã thuộc Huyện tổ chức đối thoại với người dân, tổ chức về thủ tục hành chính và giải quyết thủ tục hành chính ít nhất 6 tháng/lần. - UBND Huyện, UBND	Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Thực hiện đúng đầy đủ các quy định về tiếp công dân: 0,5đ. - Thực hiện không đầy đủ: 0,25đ. - Không thực hiện: 0đ.	đối thoại/hướng dẫn (Nếu có). 2. Công tác tiếp công dân - Biên bản, báo cáo, hình ảnh sổ tiếp công dân, ảnh địa điểm tiếp công dân v.v...	cấp xã thuộc Huyện thực hiện đúng, đủ trách nhiệm giải trình với người dân 2. Công tác tiếp công dân Thực hiện đầy đủ các quy định về công tác tiếp công dân.		
7	Thực hiện các nhiệm vụ Thành phố giao (Kế hoạch, Kết luận hoặc văn bản khác)	2,00	1. Kế hoạch CCHC, Kế hoạch nâng cao Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI: 1đ. Tính điểm theo công thức, đối với từng nội dung: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. 2. Các Kế hoạch Thành phố giao khác: 1đ. Tính điểm theo công thức, đối với từng nội dung: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%.	Báo cáo	1. Các nhiệm vụ được Thành phố giao tại Kế hoạch CCHC, Kế hoạch nâng cao Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI: - Kế hoạch CCHC năm 2025 của Thành phố. 2. Các Kế hoạch Thành phố giao khác theo yêu cầu của UBND Thành phố. Thống kê số nhiệm vụ được giao và số nhiệm vụ đã hoàn thành để tính tỷ lệ %.	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
8	Thực hiện các nhiệm vụ, quy định về thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	1,00	1. Việc thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch: điểm tối đa 0,5 đ - Báo cáo, kết luận: 0,25đ - Kết quả thực hiện: 0,25 đ 2. Văn bản chỉ đạo: 0,5đ - Việc thực hiện các văn bản chỉ đạo: điểm tối đa 0,5đ - Đơn đốc thực hiện kết luận thanh tra: 0,25đ	- Thực hiện đúng quy định pháp luật (không có vụ việc quá hạn) - Đề xảy ra vụ việc chậm muộn; - Sai phạm bị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.	Căn cứ theo Báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.	Thanh tra	Ban tiếp công dân; Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6,00					
1	Theo dõi thi hành pháp luật	2,00				Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
1.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1,00	- Hoàn thành 100% kế hoạch và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nội dung (việc theo dõi, thực hiện ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo	- Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. - Kế hoạch TDTHPL hàng năm ban hành trước		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			đảm các điều kiện cho thi hành pháp luật; tuân thủ pháp luật): điểm tối đa - Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/ 100% - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 đ * Trường hợp để xảy ra các sai phạm nổi cộm gây bức xúc trong dư luận: 0 đ.	hoàn thành).	15/02/2023, đầy đủ nội dung về TDTHPL thì được tính là ban hành kịp thời, đầy đủ; Kế hoạch trọng tâm, liên ngành được ban hành đảm bảo nội dung và thời hạn theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Kết quả hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch, tổ chức thực hiện các nội dung về theo dõi thi hành pháp luật là cơ sở để chấm điểm.		
1.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1,00	- Đã xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật khi có kiến nghị, đề xuất: điểm tối đa - Không xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật khi có kiến nghị, đề xuất: 0đ.	- Văn bản chỉ đạo xử lý. - Báo cáo kết quả công tác theo dõi thi hành pháp luật và Báo cáo kiểm tra khảo sát TDTHPL. - Văn bản thể hiện việc đã xử lý	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật khi có kiến nghị, đề xuất, bao gồm việc thực hiện phù hợp các nội dung tham mưu, đề nghị: ban hành kịp thời, đầy đủ các văn bản quy định chi tiết thi hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tập huấn, phổ biến pháp luật; bảo đảm về tổ chức, biên chế, kinh phí và các điều kiện khác cho thi hành pháp luật; kịp thời tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật đã có hiệu lực; thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm tính chính xác, thống nhất trong hướng dẫn áp dụng pháp luật và trong áp dụng pháp luật; sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện các biện pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.... Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					tiêu chí này. Trong trường hợp qua theo dõi thi hành pháp luật, xác định không có tồn tại, vi phạm, không có kiến nghị, đề xuất thì phải cung cấp các văn bản kết luận, báo cáo, tài liệu thể hiện rõ không có tồn tại vi phạm cần xử lý: chấm điểm tối đa		
2	Rà soát VBQPPL	2,00				Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
2.1	Ban hành và thực hiện kế hoạch rà soát VBQPPL	1	1. Ban hành Kế hoạch: 0,25đ. - Có ban hành: điểm tối đa. - Không ban hành: 0đ. 2. Mức độ hoàn thành Kế hoạch: 0,75đ. - Hoàn thành 100% kế hoạch: 0,75đ.	- Kế hoạch - Báo cáo - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành)	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa. Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 75% điểm tối đa)/ 100%.		được hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch)		
2.2	Kết quả xử lý sau rà soát	1,00	- Tất cả số văn bản đã hoàn thành việc xử lý: điểm tối đa - Tất cả số văn bản đã xử lý nhưng chưa hoàn thành: 0,5đ. - Tất cả số văn bản chưa xử lý: 0 đ	- Văn bản chỉ đạo xử lý. - Báo cáo kết quả xử lý	- Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này theo công thức: (b/a)*điểm tối đa. Trong đó: a là tổng số văn bản cần xử lý. b là số văn bản đã hoàn thành việc xử lý. Trường hợp a = 0 thì đạt điểm tối đa - Thông qua việc rà soát phát hiện những VBQPPL đã hết hiệu lực		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					toàn bộ hoặc một phần, hoặc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất việc xử lý theo đúng quy định.		
3	Tổ chức kiểm tra và tự kiểm tra việc thực hiện VBQPPL ở cấp huyện	2,00				Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
3.1	Kiểm tra việc thực hiện VBQPPL ở cấp huyện	1	1. Ban hành Kế hoạch: 0,25đ. - Có ban hành: 0,25đ. - Không ban hành: 0đ. 2. Mức độ hoàn thành Kế hoạch: 0,75đ. + Hoàn thành 100% kế hoạch thực hiện tự kiểm tra VB QPPL (Nghị Quyết, Quyết định) của HĐND, UBND cấp quận, huyện, thị xã: 0,75đ. + Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: Tính điểm	- Kế hoạch, báo cáo, các văn bản triển khai....; - Văn bản chỉ đạo triển khai sau kiểm tra - Báo cáo kết quả. - Danh mục các nhiệm vụ, sản phẩm (gồm các nhiệm vụ, sản phẩm được giao và các nhiệm vụ, sản phẩm đã hoàn thành).	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này. - Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL năm 2025. - Trên cơ sở kết quả, sản phẩm trong kế hoạch, đơn vị xem xét kết quả, sản phẩm đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % (số kết quả, sản phẩm	- Chấm 6 tháng và năm - Không thực hiện tự chấm nội dung ban hành kế hoạch. - Thực hiện tự chấm đối với nội dung hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x 50% điểm tối đa)/ 100%		hoàn thành, dự kiến hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ, công việc trong Kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm.		
3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1,00	- Có văn bản đơn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, xử lý trách nhiệm (nếu có); có văn bản hoàn thành: điểm tối đa. - Không có văn bản đơn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra, xử lý trách nhiệm (nếu có); không có văn bản hoàn thành: 0đ.	- Văn bản đơn đốc, thực hiện kết luận kiểm tra, thanh tra - Văn bản hoàn thành hoặc đã có biện pháp xử lý, báo cáo kết quả xử lý kèm tài liệu thể hiện	Rà soát đầy đủ nội dung trong thang điểm chấm và tài liệu kiểm chứng để xác định điểm chỉ số của tiêu chí này.		
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VÀ THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG	9,00					
1	Kiến nghị, đề xuất, xử lý các vấn đề qua rà soát các TTHC	1,50				Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
							các xã, TT
1.1	Rà soát TTHC	0,75	- Thực hiện tự rà soát TTHC thuộc thẩm quyền (báo cáo rà soát, thực hiện công khai TTHC sau rà soát): điểm tối đa - Không tiến hành rà soát, không thực hiện công khai đầy đủ TTHC sau rà soát: 0đ	Công khai các TTHC sau rà soát (Thường xuyên, định kỳ). Báo cáo rà soát.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		
1.2	Kiến nghị, đề xuất xử lý các vấn đề qua rà soát	0,75	Có TTHC phát hiện không đúng và kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo hoặc văn bản kiến nghị: điểm tối đa. - Không phát hiện: 0đ.	Văn bản kiến nghị (nếu có)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		
2	Công khai TTHC	1,00	- Công khai đầy đủ, đúng quy định: điểm tối đa - Đã công khai nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định: 0,5đ. - Chưa công khai: 0đ.	Báo cáo, Kết luận kiểm tra CCHC; Kiểm soát TTHC; ảnh chụp hoặc các tài liệu có căn cứ khác	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
3	Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	1,50				Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
3.1	Tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa	0,50	- Ban hành đầy đủ các văn bản về tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo quy định của Thành phố: 0,125đ. - Bố trí người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 0,125đ. - Thực hiện chế độ bồi dưỡng, cấp trang phục đối với người làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định của Thành phố: 0,125đ. - Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: 0,125đ	- Báo cáo, Quyết định, văn bản Quyết định thành lập hoặc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Nội quy, quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Văn bản bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	- Căn cứ quy định tại Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND Thành phố để bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. - Căn cứ quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và chỉ đạo của UBND Thành phố về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Thành phố và các văn bản hướng dẫn thi hành.	Chấm 6 tháng và năm (tiếp tục tự chấm kết quả tổ chức và hoạt động bộ phận một cửa)	
3.2	Tỷ lệ TTHC thực hiện	0,50	- 100% số TTHC thuộc	Báo cáo, danh sách	Thực hiện chấm theo	Chấm 6	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa		thẩm quyền theo quy định thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện (trừ các TTHC theo quy định chuyên ngành quy định khác) giải quyết của Huyện: điểm tối đa - Có số TTHC thuộc thẩm quyền theo quy định chưa thực hiện tiếp nhận tại Bộ phận Một cửa cấp huyện (trừ các TTHC theo quy định chuyên ngành quy định khác): 0đ	TTHC	Thang điểm chấm	tháng và năm (tiếp tục tự chấm tỷ lệ TTHC thực hiện tại Bộ phận một cửa)	
3.3	Số TTHC hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp	0,50	- Có thực hiện: 0.5đ - Không thực hiện: 0đ	Báo cáo	Không tính TTHC liên thông cùng cấp theo quy định. Chỉ tính TTHC do đơn vị chủ động thực hiện.	Đã hoàn thành chấm 6 tháng và năm (tiếp tục tự chấm về số lượng hoặc nhóm TTHC được giải quyết theo hình thức liên thông cùng cấp).	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
4	Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC	3,00				Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
4.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,00	- Đạt 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: điểm tối đa. - Từ 99% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0,75đ. - Từ 98% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0,5đ. - Dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0đ.	- Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng quý, năm. - Số liệu trên hệ thống phần mềm Một cửa. - Hệ thống đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, kết luận kiểm tra KSTTHC, thanh tra về KSTTHC. - Văn bản qua công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý.	Số hồ sơ giải quyết bao gồm đúng hạn và trước hạn. Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Chấm 6 tháng và năm (tiếp tục tự chấm tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận)	
4.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận trong năm được giải quyết đúng hạn	1,00	- Đạt 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: điểm tối đa.	- Báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính hàng quý, năm.	Số hồ sơ giải quyết bao gồm đúng hạn và trước hạn.	Chấm 6 tháng và năm (tiếp tục tự chấm tỷ lệ	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Từ 99% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0,75đ. - Từ 98% đến dưới 100% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0,5đ. - Dưới 98% số hồ sơ TTHC trong năm được giải quyết đúng hạn: 0đ.	- Số liệu trên hệ thống phần mềm Một cửa. - Hệ thống đánh giá theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, kết luận kiểm tra KSTTHC, thanh tra về KSTTHC. - Văn bản qua công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi của cơ quan quản lý.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận)	
4.3	Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC	1,00	- 100% số hồ sơ quá hạn hoặc đều được thực hiện xin lỗi đầy đủ, đúng quy định hoặc không phải làm thư xin lỗi do không có hồ sơ quá hạn: điểm tối đa - Dưới 100% số hồ sơ quá hạn không được thực hiện xin lỗi đầy đủ xác định công thức: số hồ sơ quá hạn có thư xin lỗi/tổng số	- Báo cáo giải trình; - Thư xin lỗi.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			hồ sơ quá hạn * điểm tối đa. - Thực hiện không đúng quy định: 0đ.				
5	Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện	2,00				Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
5.1	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	1,00	- Tất cả kiến nghị đã được trả lời hoặc xử lý đúng quy định, đúng hạn: điểm tối đa; - Có phản ánh, kiến nghị không được trả lời đúng quy định hoặc trả lời trễ hạn: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)	- Văn bản xử lý hoặc văn bản trả lời. - Văn bản chỉ đạo triển khai sau khi nhận phản ánh, kiến nghị - Báo cáo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		
5.2	Công khai kết quả trả lời PAKN của cá nhân, tổ chức đối với quy định TTHC thuộc thẩm quyền của UBND huyện,	1,00	- 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công khai theo quy định: điểm tối đa - Dưới 100% số PAKN đã xử lý, trả lời được công	Báo cáo. Nội dung công khai.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	UBND các xã, thị trấn trên địa bàn		khai theo quy định: 0đ.				
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	6,00					
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị	2,00				Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
1.1	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các phòng chuyên môn cấp huyện, đơn vị SNCL cấp huyện	0,50	- Thực hiện đúng thời gian quy định và có đầy đủ các nội dung: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các nội dung nhưng chậm thời gian quy định/Thực hiện đúng thời gian quy định nhưng chưa đầy đủ các nội dung: 0,25đ. - Không thực hiện đúng quy định: 0đ.	- Quyết định của UBND cấp huyện Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đơn vị - Quyết định của UBND cấp huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của đơn vị - Các văn bản giao bổ sung nhiệm vụ của Thành phố và văn bản triển khai của đơn vị theo chỉ đạo của Thành	Chấm theo tài liệu kiểm chứng		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
				phổ.			
1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính, đơn vị SNCL và đơn vị hành chính cấp xã theo các tiêu chí	0,50	- 100% số các cơ quan, đơn vị thuộc Huyện có cơ cấu số lượng lãnh đạo quản lý đúng quy định: điểm tối đa - Dưới 100% cơ quan, đơn vị được tính theo công thức: số cơ quan, đơn vị bố trí đúng theo quy định/tổng số cơ quan, đơn vị thuộc huyện * 50% điểm tối đa. - Có cơ quan, đơn vị thuộc Huyện bố trí thừa số lượng lãnh đạo quản lý theo quy định: 0đ	- Danh sách thống kê cấp trưởng, cấp phó 12 phòng và Đội QL TTXD đô thị; - Danh sách thống kê cấp trưởng, cấp phó đơn vị SNCL và đơn vị hành chính cấp xã	Thống kê số lượng cơ quan, đơn vị có cơ cấu số lượng lãnh đạo quản lý đúng quy định để xác định điểm theo thang điểm chấm.		
1.3	Kết quả thực hiện giảm số lượng đầu mối tổ chức bên trong của cơ quan hành chính và đơn vị SNCL theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Thành phố	1,00	1. Giảm số lượng đầu mối tổ chức bên trong cơ quan hành chính: 0,5 điểm - Thực hiện đúng chỉ đạo: 0,5 điểm. - Thực hiện đúng chỉ đạo nhưng chậm thời gian quy định: 0,25đ.	- Quyết định của Thủ trưởng đơn vị Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc đơn vị. - Báo cáo/Giải trình.	Báo cáo/công văn giải trình phải thể hiện thực hiện giảm số lượng đầu mối tổ chức bên trong của cơ quan hành chính và đơn vị SNCL theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Thành phố. Trên cơ sở thực hiện chấm theo		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Không đạt yêu cầu theo chỉ đạo: 0đ. 2. Giảm số lượng đầu mỗi tổ chức đơn vị SNCL: 0,5đ. - Thực hiện đúng chỉ đạo: 0,5đ. - Thực hiện đúng chỉ đạo nhưng chậm thời gian quy định: 0,25đ. - Không đạt yêu cầu theo chỉ đạo: 0đ.		Thang điểm chấm		
2	Thực hiện các quy định về quản lý biên chế	1,00				Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	0,50	- Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao và không có tồn tại: điểm tối đa. - Còn tồn tại (Biên chế còn nhưng không tuyển dụng hoặc nộp báo cáo về biên chế chậm): 0,25đ. - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao hoặc sử dụng lao động hợp đồng không đúng theo quy định: 0đ	- Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2024 - Danh sách trả lương - Báo cáo kế hoạch biên chế hằng năm - Kế hoạch tuyển dụng đã gửi Sở Nội vụ tổng hợp	Đơn vị sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao và gửi đúng thời hạn báo cáo biên chế thì đạt điểm tối đa. Trường hợp đơn vị còn tồn tại: Biên chế còn nhưng không tuyển dụng hoặc nộp báo cáo biên chế chậm thì được xác định theo thang điểm chấm. * Trường hợp, đơn vị sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao hoặc sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định chấm 0 điểm.		
2.2	Thực hiện quy định về Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị SNCL của huyện	0,50	- Sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao: điểm tối đa - Còn tồn tại (Biên chế còn nhưng không tuyển	- Quyết định của Thủ trưởng đơn vị về việc phân bổ chỉ tiêu biên chế hành chính năm 2024 - Danh sách trả lương - Báo cáo kế hoạch	Đơn vị sử dụng không vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao và gửi đúng thời hạn báo cáo biên chế thì đạt điểm tối đa. Trường hợp đơn vị còn tồn tại:		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			dụng hoặc nộp báo cáo về biên chế chậm): 0,25đ - Sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao, sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định; Chế độ báo cáo không kịp thời: 0đ	biên chế hằng năm - Kế hoạch tuyển dụng đã gửi Sở Nội vụ tổng hợp	Biên chế còn nhưng không tuyển dụng hoặc nộp báo cáo biên chế chậm thì được xác định theo thang điểm chấm. * Trường hợp, đơn vị sử dụng vượt quá số lượng biên chế hành chính được giao hoặc sử dụng Lao động hợp đồng không đúng theo quy định chấm 0 điểm.		
3	Thực hiện phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước	1,50				TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
3.1	Thực hiện chỉ đạo của Thành phố về phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước do Thành phố ban hành	0,50	- Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 0,25đ. - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không	Báo cáo, văn bản chỉ đạo triển khai (văn bản phân cấp quản lý)...	Thực hiện các nhiệm vụ về phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, Nghị	TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			gửi báo cáo: 0đ		quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội về phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội, Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội về việc Thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về ban hành quy định phân cấp một số thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội về hạ tầng kỹ thuật, du lịch (Không bao gồm các nhiệm vụ trong Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022; Quyết định số 6680/QĐ-		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					UBND ngày 29/11/2023 của UBND Thành phố)		
3.2	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, ủy quyền cho cấp xã	0,50	1. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp xã: 0,25đ - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: 0,25đ. - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 0,125đ. - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0đ 2. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đã ủy quyền cho cấp xã: 0,25đ - Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: 0,25đ. - Thực hiện đầy đủ các quy	- Báo cáo, văn bản giải trình - Văn bản chỉ đạo triển khai việc kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	Các quận, huyện, thị xã nếu thực hiện đầy đủ các quy định về phân cấp theo quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương ban hành; thực hiện theo Nghị quyết số 21/2016/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực, hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội.	TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 0,125đ. - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0đ				
3.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp, ủy quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	0,50	- Thực hiện đầy đủ các quy định và báo cáo đúng thời gian quy định: điểm tối đa - Thực hiện đầy đủ các quy định nhưng gửi báo cáo chậm so với thời gian quy định: 0,25đ. - Không thực hiện đầy đủ các quy định hoặc không gửi báo cáo: 0đ	- Báo cáo, văn bản giải trình (văn bản phân cấp quản lý)...	- Thực hiện theo Nghị quyết 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý Nhà nước; các Nghị quyết: số 23/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 quy	TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					định phân cấp một số thẩm quyền quản lý nhà nước của UBND thành phố Hà Nội về hạ tầng kỹ thuật, du lịch		
4	Thực hiện quy định về Quy trình nội bộ giải quyết công việc ngoài TTHC của cơ quan, đơn vị	1,50	- Phê duyệt đầy đủ danh mục, quy trình giải quyết; đơn giản hóa quy trình đảm bảo tỷ lệ và tiến độ theo yêu cầu của UBND Thành phố: đạt điểm tối đa. - Phê duyệt đầy đủ danh mục, quy trình giải quyết; đơn giản hóa quy trình đảm bảo tiến độ nhưng chưa đảm bảo tỷ lệ theo yêu cầu: 1,125đ. - Phê duyệt đầy đủ danh mục, quy trình giải quyết; chưa đơn giản hóa quy trình theo yêu cầu của UBND Thành phố: 0,75đ. - Không phê duyệt hoặc phê duyệt không đầy đủ;	- Quyết định phê duyệt tên quy trình; Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị. - Văn bản đơn giản hóa theo tiến độ tại Kế hoạch 97/KH-UBND, Kế hoạch 281/KH-UBND của Thành phố và các văn bản chỉ đạo liên quan.	Thực hiện đủ 02 nhiệm vụ: + Phê duyệt đầy đủ tên danh mục quy trình; quy trình nội bộ giải quyết TTHC theo đúng tiến độ của kế hoạch + Tham mưu, trình UBND Thành phố phê duyệt tên danh mục quy trình liên thông và nội dung quy trình liên thông giải quyết TTHC do Sở ngành chủ trì.	Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			chậm tiến độ của Kế hoạch: 0đ.				
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ	7,50					
1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	1,50				Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
1.1	Cập nhật, thực hiện quy định về vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý	0,50	- Đầy đủ, kịp thời: điểm tối đa - Đầy đủ, đúng quy định nhưng chưa kịp thời: 0,25đ. - Không đầy đủ hoặc chưa kịp thời: 0đ	- Văn bản, thông báo phân công công tác công chức, viên chức. - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện. - Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra.	Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí: - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm		
1.2	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức	0,50	- 100% số cơ quan, tổ chức	- Biểu tổng hợp số	Bảng phân công công tác		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	hành chính của Huyện bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt		hành chính thuộc Huyện thực hiện bố trí công chức đúng vị trí việc làm được phê duyệt: điểm tối đa - Từ 60% - dưới 100% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện bố trí công chức đúng vị trí việc làm được phê duyệt: Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100%. - Dưới 60% số cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Huyện thực hiện bố trí công chức đúng vị trí việc làm được phê duyệt: được phê duyệt: 0đ	lượng công chức theo vị trí việc làm - Bảng phân công công tác công chức, viên chức - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện Đề án - Báo cáo kết quả khắc phục qua kiểm tra (nếu có)	phải có đủ số liệu theo các tiêu chí: - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm.		
1.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	0,50	- 100% số đơn vị bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt: điểm tối đa - Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: điểm tính theo	- Bảng phân công công tác viên chức - Văn bản kiểm tra triển khai việc thực hiện Đề án - Báo cáo kết quả khắc	Bảng phân công công tác phải có đủ số liệu theo các tiêu chí: - Danh mục vị trí việc làm. - Số lượng người làm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			công thức: tỷ lệ đạt được * điểm tối đa - Dưới 80% số đơn vị: 0đ	phục qua kiểm tra (nếu có)	việc của từng vị trí việc làm. - Ngạch/chức danh nghề nghiệp của từng vị trí việc làm. - Bảng mô tả và Khung năng lực của từng vị trí việc làm.		
2	Tuyển dụng và sử dụng công chức, viên chức	1,50				Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại UBND cấp huyện, cấp xã và tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện	0,50	1. Công tác tuyển dụng công chức: 0,25đ. - Thực hiện đúng quy định: 0,25đ. + Thực hiện không đúng quy định: 0đ. 2. Công tác tuyển dụng viên chức: 0,25đ. - Thực hiện đúng quy định: 0,25đ. - Thực hiện không đúng	- Đối với công tác tuyển dụng công chức: Văn bản đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng công chức, văn bản giải trình lý do không đăng ký tuyển dụng công chức; - Đối với công tác tuyển dụng viên chức: Văn bản xin ý kiến thống nhất về chỉ tiêu và kế hoạch tuyển dụng viên chức, kế			

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			quy định: 0đ. * Trường hợp không còn chỉ tiêu tuyển dụng: Điểm tối đa	hoạch tuyển dụng viên chức được phê duyệt, công văn báo cáo kết quả tuyển dụng viên chức, văn bản giải trình lý do không thực hiện tuyển dụng viên chức. - Các báo cáo, văn bản giải trình khác (nếu có)			
2.2	Sử dụng công chức, viên chức, công chức cấp xã theo quy định	0,50	- Thực hiện đúng quy định về sử dụng công chức: 0,15đ. Thực hiện đúng quy định về sử dụng viên chức: 0,15đ. Thực hiện đúng quy định về sử dụng công chức cấp xã: 0,25đ. - Không thực hiện đúng: 0đ	- Bản phân công công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra việc sử dụng. - Danh sách trả lương.	Nghị định 138/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 33/2023/NĐ-CP quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các Thông tư hướng dẫn của Bộ, Ngành		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
2.3	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	0,50	- 100% số cán bộ cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0.25đ - 100% số công chức cấp xã đạt chuẩn thì điểm đánh giá là 0.25đ	Báo cáo số lượng cán bộ, công chức đạt chuẩn	Nghị định số: 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về chức vụ, chức danh, số lượng, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách; bầu cử, tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản quy định hướng dẫn của Đảng, của tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.		
3	Thực hiện quy định về bổ nhiệm, thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý	0,50	- 100% số lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: điểm tối đa.	- Báo cáo thống kê số lượng bổ nhiệm vị trí lãnh đạo cấp phòng và tương đương hoặc đơn vị sự nghiệp trực thuộc và tương đương.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Trường hợp được bổ nhiệm từ những năm trước nhưng có phát hiện sai phạm trong năm đánh giá: thì điểm đánh giá xác định như sau: Số lãnh đạo được bổ nhiệm sai quy định/tổng số lãnh đạo được bổ nhiệm * điểm tối đa.	- Bảng tổng hợp số lượng tại thời điểm gần nhất (báo cáo gồm các đồng chí giữ chức vụ). - Báo cáo rà soát công tác cán bộ theo chỉ đạo của Sở Nội vụ, Thành phố. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra thực hiện bổ nhiệm. - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).			
4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	0,50	- Không có cán bộ, công chức, viên chức bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: điểm tối đa - Có 01 cán bộ, công chức, viên chức bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm	- Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra. - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: 0,25đ. - Từ 02 cán bộ, công chức, viên chức trở lên bị cơ quan cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền xử lý hoặc yêu cầu xử lý kỷ luật: 0đ				
5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	1,00	-Hoàn thành 100% Kế hoạch được điểm tối đa - Hoàn thành từ 70% - dưới 100%: Tính điểm theo công thức (Tỉ lệ % hoàn thành x điểm tối đa)/100% - Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0đ	- Kế hoạch tổ chức các lớp ĐTBĐ được giao trong năm, Báo cáo kết quả ĐTBĐ 06 tháng, Báo cáo kết quả ĐTBĐ 12 tháng, Kế hoạch ĐTBĐ năm tiếp theo - Báo cáo công tác tổ chức lớp ĐTBĐ được giao chủ trì, quyết định, văn bản triệu tập học viên, quyết định cử CCVC tham gia ĐTBĐ.	Kết quả ĐTBĐ để tính điểm gồm 02 tiêu chí: (1) Tỉ lệ hoàn thành đối với các lớp ĐTBĐ được giao chủ trì (căn cứ Kế hoạch ĐTBĐ được UBND Thành phố giao trong năm): Số lớp thực hiện, số học viên tham gia ĐTBĐ, kinh phí tổ chức lớp..... (2) Tỉ lệ thực hiện nhiệm vụ ĐTBĐ: Việc báo cáo kết quả ĐTBĐ đúng hạn, xây dựng Kế hoạch ĐTBĐ năm tiếp theo đúng quy định và đúng hạn, việc cử học viên	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					tham gia đầy đủ các lớp ĐTBĐ do Thành phố tổ chức, số lượng học viên tham gia các lớp ĐTBĐ do Thành phố tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ.....		
6	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng tháng, hàng năm	0,50	- Thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. - Thực hiện đúng quy định nhưng thời điểm báo cáo chậm: 0,25đ. - Không thực hiện đúng: 0đ	- Báo cáo thống kê, tổng hợp tỷ lệ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị và đơn vị trực thuộc - Kết quả đánh giá trên phần mềm	Căn cứ theo TLKC, báo cáo của cơ quan, đơn vị và thông tin theo dõi của Thành phố để chấm điểm.	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
7	Chấp hành quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1,00	1. Ban hành Kế hoạch 0,25đ. - Đảm bảo thời gian quy định 0,1đ; - Đảm bảo các nội dung yêu cầu 0,15đ. - Mỗi nội dung không bảo đảm chất lượng, bị trừ 0,025đ. 2. Triển khai thực hiện Kế	- Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác - Quyết định điều động hoặc văn bản bố trí, phân công nhiệm vụ của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định phân cấp quản lý cán bộ - Báo cáo kết quả thực	- Xây dựng và ban hành Kế hoạch: Định kỳ (trong quý I hàng năm theo quy định tại Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 28 tháng 5 năm 2021 của UBND Thành phố), người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải ban hành và công khai kế hoạch chuyển	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			hoạch 0,25đ. - Đảm bảo thực hiện 100% tổng số phải chuyển đổi theo kế hoạch: điểm tối đa. - Có thực hiện nhưng không đảm bảo thực hiện 100% tổng số phải chuyển đổi theo kế hoạch 0,15đ; - Không thực hiện 0đ. 3. Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch 0,5đ: - Đảm bảo thời gian quy định 0,25đ. - Đảm bảo nội dung yêu cầu 0,25đ.	hiện chuyển đổi vị trí công tác.	đổi vị trí công tác đối với người có chức vụ, quyền hạn theo thẩm quyền quản lý cán bộ; nội dung kế hoạch phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện (theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018). Chủ động bám sát hướng dẫn của Bộ quản lý theo ngành, lĩnh vực về danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác theo ngành, lĩnh vực tại chính quyền địa phương để kịp thời xây dựng, điều chỉnh phù hợp. - Triển khai thực hiện Kế		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					hoạch: 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ phải được thực hiện nghiêm túc quy định. - Báo cáo việc thực hiện Kế hoạch: Định kỳ (quý, 06 tháng, năm) báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác về Sở Nội vụ. Thời gian gửi báo cáo quý chậm nhất vào ngày 05 tháng cuối quý, báo cáo 06 tháng gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 6 năm 2024, báo cáo năm gửi chậm nhất vào ngày 05 tháng 12 năm 2024. - Việc xác định thời gian thực hiện các nhiệm vụ về chấp hành quy định		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					về chuyển đổi vị trí công tác của cơ quan, đơn vị thể hiện trên tài liệu kiểm chứng thực hiện theo Điều 7, Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND thành phố Hà Nội ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc TPHN.		
8	Triển khai và duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn	1,00	Tỷ lệ hồ sơ được cập nhật trường thông tin, biến động hồ sơ nhân sự đầy đủ, kịp thời (quá trình công tác, lương, chức vụ, khen thưởng, kỷ luật...) tính đến ngày 01/10/2024 - 100% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 1đ; - Từ 80%- dưới 100% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,75đ. - Từ 70%- dưới 80% hồ sơ	Báo cáo, giải trình	- Tỷ lệ được tính dựa trên việc chọn mẫu ngẫu nhiên (mỗi đơn vị 20 – 50 hồ sơ). - Căn cứ vào Hệ thống Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của Thành phố và báo cáo bổ sung, giải trình, làm rõ của đơn vị (nếu có). - Việc kiểm chứng được cơ quan thẩm định kiểm tra độc lập qua hệ thống	Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,5đ. - Từ 50%-dưới 70% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0,25đ. - Dưới 50% hồ sơ được cập nhật đầy đủ, kịp thời: 0đ		trực tuyến. Trường hợp cần có thêm thông tin, cơ quan thẩm định gửi Sở Nội vụ để đề nghị đơn vị báo cáo bổ sung, giải trình, làm rõ		
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8,00					
1	Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách	2,00				TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
1.1	Thực hiện công tác quản lý ngân sách và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công	0,50	- Đối với các đơn vị được giao dự toán: Điểm đánh giá được tính theo công thức: $[(\text{Tỷ lệ \% giải ngân KH vốn đầu tư công theo kế hoạch Thành phố giao} \times \text{Điểm tối đa})]$ - Đối với các đơn vị không được giao dự toán: tính theo tỷ lệ giải ngân chung	- Các đơn vị được giao dự toán: Gửi Báo cáo, các văn bản khác. - Các đơn vị không được giao dự toán: không cần gửi tài liệu kiểm chứng	Điểm tính theo công thức hoặc theo tỷ lệ giải ngân chung toàn thành phố.		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			của toàn Thành phố"				
1.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn ngân sách nhà nước	0,50	- Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: Điểm tối đa - Có 01 sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0,25đ. - Có 02 sai phạm: 0đ.	- Thông báo thẩm định Quyết toán NSNN năm 2023 của Sở Tài chính; - Báo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Tài	Đánh giá đối với việc thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách quận, huyện, thị xã		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
				chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)			
1.3	Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư	0,50	1. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư khác: 0,25đ. - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0,25đ. - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0đ 2. Thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư công: 0,25đ - Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0,25đ. - Có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0đ	- Thông báo thẩm định Quyết toán hàng năm; - Báo kết quả thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí chi đầu tư tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	Đánh giá đối với việc thực hiện quy định về sử dụng kinh phí chi đầu tư ngân sách Thành phố		
1.4	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra,	0,50	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times \text{điểm tối đa}$. Trong	- Các kết luận của thanh tra, kiểm tra,	b: Tổng số tiền đã thực hiện nộp NSNN trong 02		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách		đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN	kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của cơ quan có thẩm quyền tại đơn vị trong 02 năm gần nhất; - Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách của đơn vị; - Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thể hiện số tiền đã nộp NSNN theo kiến nghị. - Kết quả theo dõi, đánh giá của cơ quan Tài chính. - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)	năm gần nhất theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách/ a: Tổng số tiền phải nộp NSNN theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách về xử lý tài chính của đơn vị trong 02 năm gần nhất.		
2	Lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán ngân sách	1,00				TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
2.1	Xây dựng và báo cáo dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	0,50	- Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định về nội dung và gửi đúng thời hạn: điểm tối đa - Thực hiện xây dựng báo cáo đúng quy định về nội dung và gửi sau thời hạn: 0,25đ - Thực hiện xây dựng báo cáo không đúng quy định về nội dung: 0đ.	- Báo cáo xây dựng dự toán năm 2025 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025 - 2027; - Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023. - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	- UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng dự toán ngân sách năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2025-2027 đúng quy định theo Thông tư số 49/2024/TT-BTC ngày 16/7/2024 của Bộ Tài chính và Hướng dẫn số 4538/HD-STC ngày 31/7/2024 của Sở Tài chính. - UBND các quận, huyện, thị xã báo cáo quyết toán ngân sách năm 2023 thực hiện theo đúng nội dung quy định tại Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN; Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm; Hướng dẫn số 7898/STC-QLNS ngày 29/12/2023 của Sở Tài chính, hướng dẫn công tác khóa sổ cuối năm và lập quyết toán NSNN; Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố về thời hạn phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp xã, cấp huyện và thời hạn		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					gửi báo cáo quyết toán ngân sách các cấp của thành phố Hà Nội; thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách về Sở Tài chính chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp của HĐND cấp huyện.		
2.2	Thực hiện công khai dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao, quyết toán ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt và gửi báo cáo theo quy định	0,50	- Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo đúng thời hạn: điểm tối đa - Thực hiện công khai đúng quy định và gửi báo cáo sau thời hạn: 0,25đ. - Thực hiện công khai không đúng quy định hoặc không công khai: 0đ.	- Quyết định công khai; - Báo cáo tình hình công khai; - Văn bản chỉ đạo triển khai kiểm tra - Báo cáo kết quả khắc phục sau kiểm tra (nếu có).	- UBND quận, huyện, thị xã thực hiện công khai tài chính đối với quyết toán ngân sách năm 2024 và dự toán ngân sách năm 2025 theo nội dung, hình thức, thời điểm công khai quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách quy định (Báo cáo dự toán ngân sách huyện đã được Hội đồng		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					nhân dân cấp huyện quyết định, quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành). - Thời hạn gửi báo cáo kết quả công khai hàng năm đến Sở Tài chính là trước ngày 31/3 hàng năm (đối với công khai dự toán ngân sách năm hiện hành), trước ngày 30/9 hàng năm (đối với công khai quyết toán ngân sách năm trước) theo quy định tại Công văn số 3019/STC-QLNS ngày 18/5/2017 của Sở Tài chính về triển khai thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
3	Công tác quản lý, sử dụng tài sản công	2,00				TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
3.1	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	1,00	'- 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành: điểm tối đa. - Dưới 100% số cơ quan, đơn vị đã ban hành xác định theo công thức: Tỷ lệ % cơ quan đã ban hành x điểm tối đa.	'- Danh sách các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đối tượng phải ban hành Quy chế . - Bảng thống kê danh mục các Quy chế đã ban hành (nêu rõ tên văn bản, số ký hiệu, cơ quan ban hành và thời gian ban hành). - Gửi đại diện 02 - 05 quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.	'- Yêu cầu: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại khoản 3 Điều 7 Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017. - Thống kê các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đối tượng phải ban hành Quy chế . - Thống kê các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đã ban hành Quy chế - Tính tỉ lệ % giữa số cơ quan, đơn vị đã ban hành trong tổng số cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi đánh giá.		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
3.2	Thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công	1,00	1. Về việc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: 0,75đ. + 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: điểm tối đa. + Có cơ quan, đơn vị có sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra nhưng đã khắc phục kịp thời: 0.25đ + Còn có cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về quản lý sử dụng tài sản công hoặc chưa khắc phục sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra (tính đến thời điểm đánh giá): 0đ 2. Việc rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0,25đ. + Đã rà soát, chuẩn hóa,	- Báo cáo về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công. - Báo cáo kết xuất từ phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.	- Về việc thực hiện đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: + 100% cơ quan, đơn vị thực hiện đúng quy định: 0.75 + Có cơ quan, đơn vị có sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra nhưng đã khắc phục kịp thời: 0.25 + Còn có cơ quan, đơn vị chưa thực hiện đúng quy định về quản lý sử dụng tài sản công hoặc chưa khắc phục sai phạm bị phát hiện qua thanh, kiểm tra (tính đến thời điểm đánh giá): 0 - Việc rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công:		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: điểm tối đa. + Chưa rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0đ		+ Đã rà soát, chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0.25 + Chưa rà soát chuẩn hóa, cập nhật dữ liệu vào cơ sở quốc gia về tài sản công: 0.		
4	Thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)	3,00				TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
4.1	Số đơn vị SNCL tăng mức độ tự chủ kinh phí chi thường xuyên trong năm theo kế hoạch	1,00	Trong năm đánh giá (căn cứ Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND Thành phố và Kế hoạch chi tiết của UBND các quận, huyện, thị xã): 1 Đảm bảo số lượng đơn vị nâng mức tự chủ theo Kế hoạch: đạt tối đa 1đ. 2. Không đảm bảo số lượng nâng mức theo Kế	- Báo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2023 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			hoạch: - Số lượng đơn vị nâng mức lớn hơn 01 nhưng chưa đảm bảo số lượng theo kế hoạch: 0.5đ. - Nếu có 01 đơn vị nâng mức: 0.25đ. - Không có đơn vị nào nâng mức tự chủ đảm bảo theo Kế hoạch: 0đ.	điểm đánh giá. - Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển ĐVSN công lập sang tự chủ tài chính của UBND các quận, huyện, thị xã theo Kế hoạch 189/KH-UBND ngày 06/7/2022 của UBND Thành phố. - Các Quyết định giao tự chủ tài chính của cấp có thẩm quyền. - Các tài liệu khác liên quan			
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL	1,00	- Không có sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: điểm tối đa - Có 01 sai phạm được phát hiện trong năm đánh giá: 0,75đ. - Có 2 sai phạm: 0,5đ. - Có trên 02 sai phạm: 0đ.	'- Thông báo thẩm định Quyết toán NSNN hàng năm của Sở Tài chính; - Báo cáo tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
				quan nhà nước và cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024 tại đơn vị hoặc các báo cáo có thể hiện các nội dung theo yêu cầu của tiêu chí tính đến thời điểm đánh giá. - Các kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán NN (nếu có). - Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)			
4.3	Tỷ lệ giảm chi trực tiếp ngân sách cho đơn vị sự nghiệp so với năm 2021	1,00	- Đạt tỷ lệ từ 10% trở lên: điểm tối đa - Đạt tỷ lệ dưới 10% thì điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN x điểm tối đa)/10% - Trường hợp nhỏ hơn 0 thì đánh giá là 0	'- Dự toán giao thu, chi ngân sách nhà nước đầu năm 2021, 2025 của các quận, huyện, thị xã - Tài liệu kiểm chứng khác nếu có	Tỷ lệ % giảm chi trực tiếp NSNN cho ĐVSNCL trong năm đánh giá so với năm 2021 theo công thức: $(A-B)/A \times 100$. Trong đó: - A tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các quận, huyện, thị xã cấp cho các		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					đơn vị sự nghiệp năm 2021 - B tổng dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước các quận, huyện, thị xã cấp cho các đơn vị sự nghiệp năm 2025		
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	8,50					
1	Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu	2,00				VHKH&TT	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
1.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số của năm.	1,5	1. Ban hành Kế hoạch: 0,5đ: - Ban hành kịp thời: Điểm tối đa - Ban hành, nhưng không kịp thời: 0,25đ. - Không ban hành: 0đ	1. Ban hành Kế hoạch Kế hoạch CNTT của đơn vị. 2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch. - Báo cáo liệt kê các nhiệm vụ được giao và	1. Ban hành Kế hoạch - Thời điểm ban hành Kế hoạch công nghệ thông tin (CNTT) của đơn vị kịp thời là thời điểm ban hành Kế hoạch chậm nhất trong vòng một tháng kể từ ngày Sở Thông tin và Truyền	- Chấm 6 tháng và năm - Không thực hiện tự chấm nội dung 01 ban hành kế hoạch. - Thực hiện	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			2. Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch: 1đ - Hoàn thành 100% các nhiệm vụ được giao: điểm tối đa - Hoàn thành từ 85% - dưới 100%: 0,5đ. - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0đ.	mức độ hoàn thành từng nhiệm vụ. (Hoàn thành/Chưa hoàn thành) - Tổng số nhiệm vụ được giao (a) - Số nhiệm vụ hoàn thành (b)	thông có văn bản hướng dẫn xây dựng Kế hoạch đạt điểm tối đa; Ban hành sau thời điểm này là không kịp thời. 2. Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2025 của Thành phố và Kế hoạch của đơn vị, đơn vị đánh giá kết quả, chỉ tiêu đã hoàn thành hoặc dự kiến hoàn thành trong năm, tính tỷ lệ % kết quả so với tổng số các nhiệm vụ, công việc, mục tiêu, chỉ tiêu trong Kế hoạch) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm. Tỷ lệ = $b/a * 100$	tự chấm đối với nội dung Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch. - Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	
1.2	Tỷ lệ hệ thống thông tin của đơn vị được phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin	0,50	- Tỷ lệ đạt 100%: Điểm tối đa. - Tỷ lệ dưới 100%: Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa	- Số lượng và danh sách các hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản (a) - Số lượng và danh	Tỷ lệ = $b/a * 100\%$	Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
				sách Hệ thống thông tin do đơn vị là chủ quản đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin (b) - Quyết định phê duyệt cấp độ an toàn thông tin của các hệ thống thông tin		(Nếu có)	
2	Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước	1,50				Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
2.1	Tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại huyện	0,50	- Tất cả văn bản phát hành của đơn vị thực hiện trên môi trường mạng có ứng dụng chữ ký số chuyên dùng theo quy định. - Tất cả văn bản đến đơn vị thực hiện tiếp nhận trên môi trường mạng khi đủ điều kiện theo quy định - Văn bản, hồ sơ công việc của đơn vị được xử lý trên	- Số liệu báo cáo kết quả gửi, nhận văn bản điện tử và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-VPCP ngày 21/10/2020 của Văn phòng Chính phủ và của Thành phố (nếu có).	- Xác định tỷ lệ % hồ sơ công việc được giải quyết trên môi trường mạng theo công thức: + Tổng số hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (gọi là a). + Tổng số hồ sơ công việc phải xử lý (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) (gọi là	Lấy kết quả tự chấm tại phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			môi trường mạng đạt tỷ lệ: + Đạt 100%: điểm tối đa; + Đạt từ 70%- dưới 100%: Điểm = Tỷ lệ * điểm tối đa + Dưới 70%: 0đ.	- Từ ứng dụng Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành tập trung của Thành phố (trường hợp các cơ quan, đơn vị đã được triển khai) hoặc từ các ứng dụng Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc của đơn vị.	b) Tỷ lệ % = a/b * 100%.		
2.2	Tỷ lệ văn bản (trừ văn bản mật theo quy định) trao đổi giữa cơ quan Nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng;	0,50	- 100% cơ quan, đơn vị thuộc huyện đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: điểm tối đa. - Dưới 100% cơ quan, đơn vị thuộc huyện đã kết nối gửi, nhận văn bản điện tử: 0đ.	Xác nhận tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị qua Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành Thành phố. (Văn phòng UBND Thành phố phối hợp xác nhận)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	
2.3	Tỷ lệ báo cáo (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp Thành phố, kết nối với Hệ thống	0,50	- 70% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của	Xác nhận tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị qua Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố (Văn phòng UBND Thành phố phối hợp xác nhận)	Xác định tỷ lệ % thực hiện báo cáo trên môi trường mạng theo công thức: Tổng số báo cáo được thực hiện trên môi trường mạng đúng thời	Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	thông tin báo cáo Chính phủ phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.		UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: điểm tối đa - Từ 60% đến dưới 70% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: 0,25đ. - Dưới 60% các báo cáo định kỳ, chuyên đề, đột xuất thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số		hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt): gọi là a Tổng số báo cáo phải thực hiện trên môi trường mạng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 7 Chương II Quyết định số 4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố: gọi là b. Tỷ lệ % = $a/b * 100\%$		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			4267/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 của UBND Thành phố phải đúng thời hạn, chất lượng (được đơn vị yêu cầu báo cáo duyệt) trên Hệ thống Thông tin báo cáo Thành phố: 0đ.				
3	Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức	2,50				Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
3.1	Sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	0,50	- Có sử dụng: điểm tối đa - Không sử dụng: 0đ	Văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Văn bản phân công giao nhiệm vụ.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		
3.2	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	0,50	- Có kế hoạch, văn bản triển khai, triển khai thực hiện số hóa đảm bảo yêu cầu của UBND Thành phố: điểm tối đa; - -Kế hoạch, văn bản triển khai chậm muộn: 0,25đ. - Không có kế hoạch, không triển khai hoặc triển	Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			khai chưa đảm bảo theo yêu cầu: 0đ.				
3.3	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình	0,50	- Thực hiện đầy đủ: điểm tối đa. - Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,25đ. - Không thực hiện: 0đ	Văn bản, tài liệu thể hiện việc triển khai các chỉ đạo của Thành phố. Văn bản triển khai thông tin truyền truyền.	Đánh giá việc triển khai các chỉ đạo của Thành phố, truyền truyền tại cơ quan, đơn vị.	Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	
3.4	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	0,50	- Thực hiện đầy đủ: điểm tối đa. - Thực hiện nhưng chưa đầy đủ, kịp thời: 0,25đ. - Không thực hiện: 0đ	Văn bản triển khai hỗ trợ người dân trong thực hiện hồ sơ trực tuyến toàn trình.	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	
3.5	Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công Thành phố trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công.	0,50	Tính điểm theo công thức: $(b/a) \times 100\%$. Trong đó: a là tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính b là số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến - Đạt từ 80% – 100%: 0,5đ.	- Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính - Danh sách TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến hoặc không dùng tiền mặt. - Báo cáo	Xác định điểm căn cứ việc triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.	Lấy kết quả tự chấm tại Chỉ số thành phần DTI cấp Huyện (Nếu có)	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Đạt từ 60% đến dưới 80%: 0,25đ. - Dưới 60%: 0đ				
4	Thực hiện quy định về Một cửa hiện đại	0,50	- Đạt yêu cầu của Đề án và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 03/01/2023 của UBND Thành phố triển khai thực hiện Đề án mô hình Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC hiện đại tại các cơ quan hành chính nhà nước thuộc thành phố Hà Nội: điểm tối đa. - Đã triển khai và đáp ứng 50% yêu cầu: 0,25đ. - Chưa triển khai hoặc triển khai như đạt dưới 50%: 0đ	- Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai. - Ảnh chụp. - Văn bản thể hiện kết quả kiểm tra (nếu có)	Thực hiện chấm theo Thang điểm chấm	Văn phòng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
5	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản mới nhất	2,00				VHKH&TT	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT
5.1	Công bố hệ thống quản lý	0,50	- Có thực hiện đầy đủ,	- Quyết định công bố	Các cơ quan hành chính		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý tại UBND cấp huyện		đúng quy định: điểm tối đa - Có thực hiện nhưng không đầy đủ: 0,25đ. - Không thực hiện: 0đ	và Bản công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. - Hình ảnh công khai chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng năm 2024, niêm yết bản công bố của cơ quan, đơn vị (chụp tại nơi niêm yết công khai).	thực hiện việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn theo quy định.		
5.2	Duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý tại UBND cấp huyện	0,50	- Có thực hiện đầy đủ, đúng quy định: điểm tối đa - Có thực hiện nhưng không đầy đủ: 0,25đ. - Không thực hiện: 0đ.	- Kế hoạch đánh giá nội bộ, phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá, báo cáo đánh giá tổng hợp và Biên bản họp xem xét của lãnh đạo sau khi đánh giá nội bộ của năm 2024. - Phiếu yêu cầu sửa đổi tài liệu (theo Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục).	Việc duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của cơ quan thể hiện qua việc: Cập nhật các thay đổi của Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng; Thực hiện đánh giá nội bộ; Thực hiện kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục; Thực		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
					hiện hợp xem xét của lãnh đạo.		
5.3	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã duy trì, cải tiến và công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất vào hoạt động quản lý.	0,50	- 100% đơn vị thực hiện: điểm tối đa. - Từ 80%- dưới 100% đơn vị thực hiện: 0,4đ. - Từ 60%- dưới 80% đơn vị thực hiện: 0,25đ. - Dưới 60% đơn vị thực hiện: 0đ.	- Quyết định công bố và bản công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; Kế hoạch đánh giá nội bộ, phiếu ghi chép trong quá trình đánh giá, báo cáo đánh giá tổng hợp và Biên bản họp xem xét của lãnh đạo của năm 2024. - Hình ảnh công khai chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng năm 2024, niêm yết bản công bố của các xã, phường, thị trấn (tại nơi niêm yết công khai).	UBND quận, huyện, thị xã thống kê các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 và duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sau khi tự công bố thông qua việc thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo theo quy định. - Tính tỷ lệ % số đơn vị hành chính cấp xã đã thực hiện công bố và đánh giá nội bộ, xem xét của lãnh đạo trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn.		
5.4	Tỷ lệ cơ quan cấp huyện và đơn vị hành chính cấp	0,50	- 100% đơn vị thực hiện: điểm tối đa.	- Danh mục các quy trình ISO được xây	Sau khi hoàn thành việc xây dựng quy trình và		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	xã áp dụng ISO 9001 phiên bản mới nhất trong quy trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC và thực hiện đúng tiêu chuẩn ISO 9001 phiên bản mới nhất trong hoạt động		- Từ 80%- dưới 100% đơn vị thực hiện: 0,4đ. - Từ 60%- dưới 80% đơn vị thực hiện: 0,25đ. - Dưới 60% đơn vị thực hiện: 0đ.	dựng và danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết. - Báo cáo của cơ quan và kết quả kiểm tra về việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 kèm theo danh mục các quy trình ISO được xây dựng và danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.	ban hành thì cơ quan phải áp dụng các quy trình vào hoạt động tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC của cơ quan. UBND quận, huyện, thị xã thống kê và tính tỷ lệ % số TTHC được áp dụng ISO trên tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện.		
VIII	TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	4,00					
1	Mức độ phát triển doanh nghiệp	1,00	1. Số lượng Hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong năm: - Tăng so với năm trước liền kề: 0.5đ	Báo cáo	Thống kê: - Số lượng Hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trong năm. - Số lượng Hộ kinh	TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			- Không tăng so với năm trước liền kề: 0đ 2. Số lượng Hộ kinh doanh được thành lập mới trong năm: - Tăng so với năm trước liền kề: 0.5đ - Không tăng so với năm trước liền kề: 0đ		doanh được thành lập mới trong năm		
2	Hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội Thành phố giao	3,00	1. Hoàn thành 100% chỉ tiêu: 1đ + Từ 85%- dưới 100%: 0,5đ + Từ 70- dưới 85%: 0,25 đ + Dưới 70%: 0đ. 2. Hoàn thành 100% nhiệm vụ: 1đ + Từ 85%- dưới 100%: 0,5đ + Từ 70- dưới 85%: 0,25 đ + Dưới 70%: 0đ. 3. Tiến độ báo cáo phục vụ	- Báo cáo, văn bản giải trình	Căn cứ vào các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội được Thành phố giao trong năm, tiến độ báo cáo phục vụ kỳ họp HĐND Thành phố, các đơn vị xem xét, đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội đã hoàn thành (số chỉ tiêu đã hoàn thành so với tổng số các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong Kế hoạch được Thành phố giao) và đối chiếu với thang điểm để chấm điểm.	TCKH	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			hợp HĐND TP (giữa năm+cuối năm): 1 đ Đúng tiến độ giữa năm: 0,5đ Đúng tiến độ cuối năm: 0,5đ				
IX	ĐIỂM THƯỜNG, ĐIỂM TRỪ TRONG CÔNG TÁC CCHC						
1	Điểm thưởng trong triển khai công tác CCHC (Sáng kiến CCHC được Trung ương, Thành phố ghi nhận, triển khai nhân rộng; Sự tham gia tích cực của cấp ủy, người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, chuyển đổi số, Đề án 06; Có thành tích được Trung ương, Thành phố biểu dương, khen thưởng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị,	5	1. Sáng kiến trong công tác CCHC được Trung ương, Thành phố công nhận: 1đ - Sáng kiến vào Chung khảo cuộc thi CCHC và sáng kiến được Trung ương ghi nhận trong chấm Chỉ số CCHC cấp tỉnh: điểm tối đa. - Sáng kiến đạt giải và tập thể đạt giải: 0,75đ. - Sáng kiến nằm trong 30 đơn vị đứng đầu toàn Thành phố: 0,5đ. - Có tham gia: 0,25đ.	- Tài liệu, hình ảnh, Video chứng minh sáng kiến được Trung ương, Thành phố công nhận. - Kế hoạch triển khai Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 27/4/2023 về khắc phục tồn tại, hạn chế về kỷ cương hành chính, cải cách thủ tục hành chính và công tác thanh tra, kiểm tra công vụ năm 2023 và những năm tiếp theo; Kế hoạch,	1. Điểm thưởng trong sáng kiến trong công tác CCHC: là những sáng kiến được các cơ quan, đơn vị đề xuất và được Trung ương, Thành phố ghi nhận, cho phép triển khai nhân rộng ra trên toàn địa bàn Thành phố. 2. Điểm thưởng qua sự tham gia tích cực của cấp ủy, người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, chuyển đổi số, Đề án 06, thể hiện qua sự chỉ đạo bằng văn bản của	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	CCHC, chuyển đổi số, Đề án 06 và đổi mới sáng tạo; Tích cực chủ động tham gia làm điểm, thí điểm thực hiện các nhiệm vụ CCHC được Trung ương, Thành phố giao; Hiệu quả triển khai các nhiệm vụ CCHC của đơn vị nhằm cải thiện các chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI).		2. Sự tham gia tích cực của cấp ủy, người đứng đầu trong thực hiện nhiệm vụ CCHC, chuyển đổi số, Đề án 06 của Thành phố (các nhiệm vụ trọng tâm của Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 Thành phố giao): 1đ và được xác định như sau: - Tham gia tích cực cả 03 nội dung: CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 = điểm tối đa; - Tham gia tích cực dưới 3 nội dung: số nội dung tham gia/3 nội dung x điểm tối đa. - Không tích cực tham gia: 0đ. 3. Tích cực chủ động của đơn vị trong tham gia làm điểm, thí điểm thực hiện các nhiệm vụ CCHC được Trung ương, Thành phố giao: 1,5đ và được xác	văn bản triển khai nâng cao chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI của Thành phố; Báo cáo, thống kê các nhiệm vụ đã triển khai nhằm nâng cao kết quả chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI của Thành phố (triển khai các Kế hoạch của UBND Thành phố). -Bằng khen/Giấy khen/Hình ảnh/Quyết định công nhận khen thưởng và các Hình thức tuyên dương phù hợp khác.	cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị và có đóng góp tích cực được Trung ương, Thành phố ghi nhận trong thực hiện các nhiệm vụ CCHC, chuyển đổi số, Đề án 06 được Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số và Đề án 06 Thành phố giao; từ đó, xác định điểm theo thang điểm chấm. 3. Điểm thưởng qua sự tích cực chủ động của cơ quan, đơn vị trong tham gia làm điểm, thí điểm thực hiện các nhiệm vụ CCHC do Trung ương, Thành phố giao; sự chủ động đề xuất làm điểm, thí điểm mô hình mới được Thành phố cho vào kế hoạch, văn bản đồng ý chấp thuận; trên cơ sở đó, xác định điểm theo		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			định như sau: - Tổng số nhiệm vụ, mô hình thí điểm, làm điểm của cơ quan, đơn vị được Trung ương, Thành phố giao: a - Tổng số nhiệm vụ, mô hình thí điểm, làm điểm đã hoàn thành: b. - Điểm đạt được $= a/b \times \text{điểm tối đa}$. 4. Hiệu quả triển khai các nhiệm vụ CCHC của đơn vị nhằm cải thiện các chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI: 1,5 điểm và được xác định như sau: - Có triển khai và đóng góp hiệu quả việc cải thiện tất cả 06 chỉ số (PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI): điểm tối đa. - Có triển khai và đóng góp hiệu quả việc cải thiện		thang điểm chấm. 4. Điểm thưởng trong hiệu quả triển khai các nhiệm vụ CCHC nhằm cải thiện Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI của thành phố Hà Nội: - Căn cứ kết quả chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI của thành phố Hà Nội liên quan đến trách nhiệm tham mưu của cơ quan, đơn vị và Kế hoạch chỉ tiêu phấn đấu cụ thể theo các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần. - Căn cứ Kế hoạch và kết quả thực hiện các Kế hoạch cải thiện các chỉ số mà Thành phố giao cho các cơ quan, đơn vị. Trên cơ sở đó, cơ quan, đơn vị xác định mức		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			các chỉ số (dưới 6 chỉ số): các chỉ số có cải thiện/6 chỉ số * điểm tối đa. - Không có đóng góp: 0đ.		đóng góp vào cải thiện Hiệu quả Chỉ số PAR-Index, SIPAS, PAPI, PCI, PGI, DTI của Thành phố để xác định điểm theo công thức tại thang điểm chấm.		
2	Điểm trừ CCHC (Để lãnh đạo Thành phố phê bình, nhắc nhở về việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao; Qua báo đài phản ánh các hành vi gây phiền hà, những nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giải quyết công việc cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp; Triển khai không đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ trọng tâm do Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số, Đề án 06 Thành phố	-5	1. Đơn vị hoặc lãnh đạo đơn vị bị lãnh đạo Thành ủy, HĐND TP, UBND TP phê bình về chất lượng quản lý, điều hành, giải quyết công việc, ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị của Thành phố: Trừ tối đa 1,5đ, trừ 0,375đ cho một lần bị phê bình. 2. Đơn vị để các báo đài, phương tiện truyền thông phản ánh các hành vi gây phiền hà, những nhiễu, tiêu cực của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong giải quyết công việc cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp: Trừ	- Phê bình bằng văn bản hoặc các hình thức khác - Các báo đài chính thống được các cơ quan có thẩm quyền xác minh đúng sự thật - Các nhiệm vụ triển khai, phối hợp tại Kế hoạch CCHC, Kế hoạch của Ban Chỉ đạo	Trên cơ sở số lần bị phê bình, các tin bài phản ánh các hiện tượng những nhiễu tiêu cực tại cơ quan, đơn vị, hoặc trên địa bàn quản lý, các nhiệm vụ do Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số, Đề án 06 Thành phố giao không hoàn thành nhiệm vụ hoặc chậm muộn mà không có lý do chính đáng và các nội dung khác liên quan đến phòng chống cháy nổ, trật tự an toàn xã hội, môi trường, giao thông, an sinh xã hội có tác động tiêu cực, ảnh hưởng	Các cơ quan, đơn vị. UBND các xã, TT	

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
	giao; Các nội dung khác: phòng chống cháy nổ, trật tự an toàn xã hội, môi trường, giao thông, an sinh xã hội...)		tối đa 1đ, trừ 0,25đ cho một nội dung được báo đài, phương tiện truyền thông phản ánh. 3. Triển khai không đầy đủ, kịp thời các nhiệm vụ trọng tâm của một trong 03 nội dung: CCHC, Chuyển đổi số, Đề án 06 do Ban Chỉ đạo CCHC, Chuyển đổi số, Đề án 06 Thành phố giao: Trừ tối đa 1,5đ, trừ 0,5đ cho một nội dung(CCHC hoặc Chuyển đổi số hoặc Đề án 06) triển khai không đầy đủ hoặc không kịp thời. 4. Các nội dung khác (phòng chống cháy nổ xảy ra gây chết người, thiệt hại tài sản lớn đến mức cơ quan, lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật; lãnh đạo cơ quan, đơn vị vi phạm nghiêm trọng trong thực hiện nhiệm vụ chính trị bị các		tới hình ảnh của Thành phố để xác định điểm trừ theo thang điểm chấm.		

TT	Nội dung/Tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Thang điểm chấm	Tài liệu kiểm chứng	Cách thức chấm điểm	Đơn vị chủ trì, tổng hợp	Đơn vị phối hợp
			cơ quan thông tin truyền thông phản ánh; cơ quan, đơn vị đề xảy ra các vụ việc ảnh hưởng đến Chỉ số CCHC của Thành phố cũng như uy tín của Thành phố...): Trừ tối đa 1đ, trừ 0,25đ cho một nội dung xảy ra. <i>* Các nội dung trừ: 1, 2, 3, 4: trừ 01 lần hoặc 01 nội dung theo mức trừ. Tuy nhiên, có thể trừ cao hơn nếu có tính chất nghiêm trọng.</i>				